

涉及家庭暴力被害人詢問通知書
Giấy Thông Báo Về Việc Thăm Hỏi
Người Bị Hại Là Nạn Nhân Của Bạo Lực Gia Đình

股別： 案號：
 Tổ： Số án：

家庭暴力防治法規定，保護令事件必要時得隔別訊問（本件法院已安排隔別訊問；尚未安排隔別訊問）。被害人得於審理時，聲請其親屬或個案輔導之社工人員、心理師陪同被害人在場，並得陳述意見。為了落實法律保護家庭暴力被害人的精神，並且尊重您的隱私，您可以勾選下列選項後，將這份詢問通知書寄回法院，或打電話（電話號碼： ）、傳真（傳真號碼： ）給書記官，表明您的意願，方便法院協助您：

Căn cứ theo quy định của Luật phòng chống bạo lực gia đình, nhằm về sự kiện của Lệnh bảo vệ thì được cách ly tại phòng riêng để xét hỏi khi có nhu cầu cần thiết (nhằm về sự kiện này Tòa án Đã sắp xếp một phòng riêng để xét hỏi; Chưa sắp xếp một phòng riêng để xét hỏi). Khi đang trong quá trình xét xử, Người bị hại xin cho phép có người thân hoặc nhân viên công tác xã hội, chuyên gia tâm lý làm nhiệm vụ về vụ án phải cùng lúc có mặt tại phiên tòa xét xử, và được trình bày ý kiến. Vì là để tinh thần bảo vệ nạn nhân bị bạo lực gia đình của pháp luật được thực hiện có hiệu quả thật sự, và để tôn trọng sự riêng tư của bạn, bạn có thể đánh dấu móc vào ô vuông sau đây có nội dung đáp ứng với tình trạng của bạn, sau đó gửi giấy thăm hỏi này cho Tòa án, hoặc gọi điện thoại (số điện thoại:), fax (số fax:) cho Thư ký Tòa án, nêu rõ ràng ý nguyện của bạn, để tạo điều kiện cho Tòa án trợ giúp bạn.

*** 是否需要隔別訊問（單選）**

Có cần phải cách ly tại phòng riêng khi xét hỏi không (chỉ được chọn một câu để trả lời)

我希望法院安排我和相對人一起開庭：

Tôi mong là Tòa án sắp xếp Tôi và Người có hành vi bạo lực gia đình cùng lúc có mặt tại phiên tòa xét hỏi：

1. 我會自行到庭，而且不用特別安排其他事項。

Tự mình tôi đi đến Tòa án, mà không cần phải có sắp xếp riêng nào cả.

2. 我不想在法庭外碰到相對人，請與我（或_____【姓名、與您的關係】）、電話_____聯絡安排相關安全事宜。

Tôi không muốn gặp mặt Người có hành vi bạo lực gia đình ở bên ngoài phiên tòa, xin hãy liên lạc với tôi (hoặc _____【họ và tên, người này có quan hệ gì với bạn】), qua điện thoại _____ để sắp xếp biện pháp đảm bảo an toàn của tôi.

我希望法院安排我和相對人隔別訊問。

Tôi mong là Tòa án sắp xếp Tôi và Người có hành vi bạo lực gia đình phải được cách ly tại phòng riêng khi xét hỏi.

*** 是否需要陪同出庭 (單選)**

Cần có người nào đó cùng có mặt với bạn tại phiên tòa xét xử không (chỉ được chọn một câu để trả lời)

我自己到法院開庭，不須任何人陪同。

Một mình tôi đi đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử, không cần phải có bất kỳ ai đó cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi.

家庭暴力發生後，還沒有社工與我聯絡，我需要社工陪同出庭。

Sau khi xảy ra bạo lực gia đình, chưa có nhân viên công tác xã hội liên lạc với tôi, cần có nhân viên công tác xã hội cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi.

1. 我會自行撥打「113」保護專線

Tự mình tôi sẽ gọi đến đường dây bảo vệ 「113」

2. 請法院幫我通知主管機關安排社工人員陪同出庭。

Xin Tòa án hãy giúp tôi thông báo cơ quan chủ quản sắp xếp nhân viên công tác xã hội cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi.

請幫忙寄送開庭通知書予曾經協助過我的心理師、社工人員____(姓名)____陪同我出庭，她(他)的任職單位：____、電話：____、地址：____市(縣)____區(鄉、鎮、市)____路__段__巷__弄__號__樓

Hãy giúp tôi gửi giấy thông báo cho Chuyên gia tâm lý, Nhân viên công tác xã hội là _____(họ và tên)_____ đã từng giúp tôi trước đây cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi, đơn vị mà bà(ông) đó đang công tác là: _____, điện thoại _____, địa chỉ: Tầng _____, Số _____, Ngách _____, Ngõ _____ Đoạn _____ Đường _____, Khu (Thành Phố, Thị Xã, Thị Trấn, Xã) _____ Thành Phố, Thị Xã (Huyện) _____.

已經有人會陪同我出庭：

Đã có người nào đó cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi：

* 陪同人是我的：配偶、親人(或其他關係：____)、心理師、社工人員

Người mà cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi là：Vợ hay chồng, Người thân (hoặc có những quan hệ khác：____), Chuyên gia tâm lý, Nhân viên công tác xã hội của tôi.

* 我的陪同人：不需要；需要 法院另外寄開庭通知書，以利請假，請寄____(陪同人姓名)____、地址：____市(縣)____區(鄉、鎮、市)____路__段__巷__弄__號__樓、她(他)的聯絡電話：_____

Người mà cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi：Không cần phải Cần phải do Tòa án gửi riêng giấy thông báo cho họ, để tạo điều kiện cho họ xin nghỉ phép với công

ty, hãy gửi cho _____ (ho và tên của người cùng có mặt với tôi tại phiên tòa xét hỏi) _____,
địa chỉ : Tầng _____, Số _____, Ngách _____, Ngõ _____ Đoạn _____ Đường
_____, Khu (Thành Phố, Thị Xã, Thị Trấn, Xã)
_____, Thành Phố, Thị Xã (Huyện) _____, điện
thoại của bà (ông) ấy là : _____.

其他意見 :

Có ý kiến khác :